

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST
Ngày 06-02-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Tiến;

Ông Bùi Văn Tiều;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 26-10-2017 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12-01-2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30-01-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Đức T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Cát Hải của nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 10-8-1998 chị và anh Đoàn Đức T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên hai bên đã sống chung như vợ chồng từ năm 1995.

Sau khi kết hôn anh chị sống tại Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặt khác, theo chị H do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác từ đó dẫn đến mâu thuẫn gia đình càng trầm trọng, anh T thường xuyên rượu chè dẫn đến đánh đập vợ con. Mâu thuẫn hai vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Đến tháng 7 năm 2017 do mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14-12-2017 đối với anh Đoàn Đức T cũng xác nhận anh chị kết hôn năm 1998, tuy nhiên hai bên đã chung sống như vợ chồng từ năm 1995 và hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng không cải thiện được mối quan hệ, chị H đã rời khỏi nhà từ tháng 7 năm 2017. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý

Về con chung: Chị H và anh T đều khai, họ có hai con chung là Đoàn Tuyết A, sinh năm 1995 và Đoàn Hải L sinh ngày 16-10-2009, hiện nay cháu lớn đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu nhỏ Đoàn Hải L, hiện cháu đang ở cùng chị H, chị H và anh T đều đề nghị với Tòa án được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chung để xem xét nguyện vọng của con chung sau khi Tòa án giải quyết ly hôn. Cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Qua xác minh tại địa phương và tại gia đình, xác định nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do quan điểm sống, phong cách sống của anh T và chị H khác nhau. Mặt khác do anh T có dư luận cho rằng có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn gia đình càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân gần một năm nay, gia đình và địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được mối quan hệ. Nếu các bên đã cương quyết ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua xác minh đều xác định chị H và anh T đều là lao động phổ thông tại địa phương.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì cho rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, hai anh chị không thể nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng thật sự không còn và không còn khả năng hàn gắn và đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay cháu L đang sinh sống cùng chị và đang học tập tại huyện T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về quan hệ vợ chồng cũng như về con chung. Buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng, căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Anh T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, phong cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung, chị H nghi ngờ anh T ngoại tình dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng, anh T thường xuyên đánh đập vợ con, đặc biệt hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai, gia đình và địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được tình hình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56

của Luật Hôn nhân và Gia đình, mặt khác, anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đoàn Hải L. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị H và anh T đều là lao động phổ thông; anh T đang sinh sống tại thị trấn C, huyện C, Hải Phòng, còn chị H đang ở cùng mẹ đẻ tại xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, hai bên đều có thu nhập, có chỗ ở ổn định, hợp pháp. Tuy nhiên, hiện nay cháu L đang ở cùng mẹ và học tập tại xã T, huyện T thành phố Hải Phòng, mặt khác nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về phần con chung để đảm bảo học tập và sự phát triển ổn định của con trẻ.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H; chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đoàn Đức T.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Đoàn Hải L, sinh ngày 16-10-2009 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ đi 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số AA/2012/0010119 ngày 26-10-2017.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Lê Thị H có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Anh Đoàn Đức T có quyền

kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND TT Cát Hải, huyện Cát Hải, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh

